

ÔN TẬP HỌC KỲ II NGỮ VĂN LỚP 11

A. CẤU TRÚC ĐỀ THI: Đề bài gồm có hai phần:

- Phần 1: Đọc - hiểu văn bản: 3 điểm
- Phần 2: Nghị luận văn học: 7 điểm

B. NỘI DUNG ÔN TẬP:

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Về kĩ năng trả lời câu hỏi:

- Cấp độ nhận biết: Chỉ ra các thông tin liên quan, được thể hiện trong văn bản như tác giả, hoàn cảnh sáng tác, từ ngữ, chi tiết, nhân vật ... phong cách ngôn ngữ, thao tác lập luận, phương thức biểu đạt, kiểu kết cấu... của văn bản.
- Cấp độ thông hiểu: Xác định nội dung, chủ đề, thông điệp, hiểu được tác dụng của một hoặc nhiều biện pháp tu từ....
- Cấp độ vận dụng: Sử dụng thông tin trong và ngoài văn bản để giải quyết các tình huống, vấn đề trong được đặt ra trong văn bản.
- Cấp độ vận dụng cao: Viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ, bình luận, giải thích ý nghĩa tư tưởng và các giá trị của văn bản trong cuộc sống; vận dụng để giải quyết các tình huống/ vấn đề mới trong học tập và cuộc sống.

MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI DẠNG ĐỀ ĐỌC HIỂU

1. Gọi tên các biện pháp nghệ thuật và phân tích tác dụng của chúng.

- Đối với dạng câu hỏi này, các em cần ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, tương phản, chơi chữ, nói giảm nói tránh, nói quá,...

và các biện pháp tu từ cú pháp như lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối,...

- Xác định được từ ngữ thực hiện.
- Nêu tác dụng cụ thể rõ ràng.

2. Cần phân biệt các dạng câu hỏi: nêu nội dung chính, nêu ý nghĩa hoặc nêu thông

điệp của văn bản.

3. Từ một vấn đề của văn bản, viết một đoạn văn liên hệ

Đối với dạng câu hỏi này các em cần rèn luyện kỹ năng viết một đoạn văn có hình thức và nội dung theo đúng yêu cầu của người ra đề (chọn kết cấu tổng phân hợp, diễn dịch, quy nạp).

PHẦN II: LÀM VĂN

I. Yêu cầu về kỹ năng: Học sinh cần ôn lại

- Kỹ năng làm một bài văn nghị luận văn học với kiểu bài phân tích, cảm nhận một tác phẩm hoặc một đoạn trích văn học.
- Nắm kỹ năng xử lý đề, không đơn thuần là thuộc lòng nội dung văn bản.
- Biết cách kết hợp các thao tác lập luận.

II. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh cần củng cố, hệ thống lại kiến thức những tác phẩm dưới đây:

1. Bài thơ “Vội vàng” – Xuân Diệu.

*** Tác giả:**

- Xuân Diệu là cây đại thụ của nền thi ca Việt Nam hiện đại, là một nhà văn hóa lớn của dân tộc; sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp phong phú.
- Ông là nhà thơ “*mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh) đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo.
- Ông là nhà thơ của tình yêu, mùa xuân và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết.

*** Tác phẩm:**

+ 4 câu đầu:

- Khát vọng muốn “*vĩnh cửu hoá*” cái đẹp, để cho thi sĩ tôn thờ, thưởng thức. Ước muốn ấy táo bạo, muốn đoạt quyền của tạo hoá, muốn ngự trị cả thiên nhiên. Tất cả đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống say mê của hồn thơ nồng nàn, tha thiết.

- Điệp ngữ, điệp cấu trúc câu “*Tôi muốn ... cho ...*” diễn tả niềm khát khao mãnh liệt, táo bạo của cái tôi trữ tình.

+ 9 câu tiếp:

- Cảnh thiên đường trên mặt đất có đủ cả hương vị, màu sắc và cả âm thanh, rất sinh động. Bức tranh mùa xuân tươi vui, hạnh phúc, căng tràn nhựa sống được cảm nhận qua các giác quan và tâm hồn nghệ sĩ yêu đời, khao khát cuộc sống của nhà thơ.

- Điệp ngữ “*này đây*” được lặp lại bốn lần kết hợp với thủ pháp liệt kê tăng tiến, nhịp thơ gấp gáp... cho thấy cảnh đẹp như bày sẵn ra trước mắt, rất cụ thể, rõ ràng đồng thời bộc lộ niềm sung sướng đến ngất ngây của thi sĩ trước cảnh sắc ấy.

- Thủ pháp chuyển đổi cảm giác mới mẻ, độc đáo; quan niệm thẩm mỹ hiện đại lấy con người làm chuẩn mực cho cái đẹp (*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*) khiến thiên nhiên trở nên cụ thể, gợi cảm, quyến rũ, mang đầy tính nhục thể.

☑ Thiên nhiên mang vẻ đẹp của một giai nhân và của một tình nhân.

+ 16 câu tiếp:

- Nét mới mẻ trong quan niệm của tác giả về thời gian tuyến tính, một đi không trở lại, lấy tuổi trẻ làm thước đo của thời gian.

- Ý thức đau đớn về sự chảy trôi của thời gian, sự hạn hẹp ngắn ngủi của đời người trước sự mênh mông, rộng lớn của đất trời đã khiến nhà thơ có những cảm nhận tinh tế về sự tàn phai của cuộc đời.

- Thủ pháp chuyển đổi cảm giác (*mùi tháng năm; vị chia phôi; ...*), nhân hóa (*sông núi than thầm tiễn biệt; con gió xinh thì thào, hờn vì nổi bay đi; chim đứt tiếng reo thi, sợ độ phai tàn...*); câu hỏi tu từ...

+ 10 câu cuối:

- Khát vọng tận hưởng cuộc sống mãnh liệt, cuồng say được diễn tả bằng những hành động tăng tiến đầy tính nhục thể, chiếm đoạt (*ôm ☑ riết ☑ say ☑ thâm ☑ cắn*). Đó là khát vọng sống hết mình, tận hưởng hết mình, đốt cháy mình dù chỉ trong một phút

giây.

✉ Quan niệm sống tích cực.

✚ “Vội vàng” là lời giục giã hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời mình, nhất là những tháng năm tuổi trẻ của một hồn thơ yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt. Tư tưởng đó được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật điêu luyện : sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí, giọng điệu say mê, sôi nổi, những sáng tạo độc đáo về ngôn từ và hình ảnh thơ.

2. Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử.

*** Tác giả:**

- Là một trong những cây bút xuất sắc trong phong trào thơ Mới.
- Là một tài năng thơ độc đáo, giàu sức sáng tạo nhưng cuộc đời ngắn ngủi, nhiều bi thương, bất hạnh.
- Thơ của ông là niềm thiết tha với cuộc sống, với con người và ẩn chứa niềm đau thương, tâm sự uẩn khuất trước sự ngắn ngủi của cuộc đời.

*** Tác phẩm:**

+ Khổ 1:

- Bức tranh thôn Vĩ lúc bình minh tươi mới, tinh khôi, tràn đầy sức sống. Câu thơ “*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*” cất lên như một tiếng reo vui, một lời suýt xoa của thi nhân trước vẻ đẹp vô ngần của thôn Vĩ. Từ “*mướt*” như ánh lên vẻ mướt mà, óng ả, đầy xuân sắc, một màu xanh mỡ màng, tràn trề nhựa sống của Vĩ Dạ. “*Xanh như ngọc*” là màu xanh lung linh, ngời sáng, long lanh. Cả vườn Vĩ được tắm gội bởi sương đêm, đang chìm trong giấc ngủ thì được đánh thức và bừng lên trong ánh nắng hồng ban mai. Nắng mai rót vào vườn cứ đầy dần lên, đến khi ngập tràn thì nó biến cả khu vườn thành một đảo ngọc giữa chốn “*nước non thanh tú*” của quê hương xứ sở.
 - Thiên nhiên và con người hài hoà với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng và thơ mộng (“*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*”).
- => Khổ thơ đầu là bức tranh thôn Vĩ đẹp, tươi sáng, trong trẻo, gợi cảm và đầy sức sống. Đồng thời, đó cũng là niềm hi vọng hạnh phúc của thi nhân.

+ Khổ 2:

- Cảnh sông nước, mây trời xứ Huế vừa có nét đẹp hoang sơ, dân dã, vừa đượm buồn. Gió, mây và dòng nước đều được nhân hoá để trở nên có hồn, sinh động. “*Gió theo lối gió, mây đường mây*” ngắt nhịp 4/3 với hai vế tiểu đối gợi tả một không gian gió, mây chia lìa, đôi

đường, đôi ngả như một nghịch cảnh đầy ám ảnh. Nhà thơ còn nhân hoá con sông thành một sinh thể có tâm trạng để giải bày tâm tư của chính mình.

- Cả dòng sông như được dát bạc, ánh lên lộng lẫy, huyền ảo lung linh. Nếu “*Thuyền ai*” gợi lên bao ngỡ ngàng, bàng khuâng, vừa quen vừa lạ, man mác như điệu hò xứ Huế thì hình tượng “*sông trăng*” lại như một nét vẽ thơ mộng, chất chứa cái thần thái, “*linh hồn*” của cảnh sắc thiên nhiên xứ sở. Sự kết hợp giữa “*thuyền ai*” và “*sông trăng*” đã tạo nên một hình tượng đẹp thi vị, gợi tả vẻ đẹp lãng mạn, thơ mộng, thân thương của Huế. Thuyền chơ trăng là chơ tình yêu. Bến trăng là bến bờ hạnh phúc. Liệu con thuyền tình yêu có vượt thời gian để kịp cập bến bờ hạnh phúc hay không? Câu hỏi chất chứa bao niềm khắc khoải, sự chờ đợi mỗi mòn tình yêu, hạnh phúc của thi nhân. Ẩn trong đó có sự mong lung, hồ nghi, thất vọng.

=> Khổ thơ thứ hai vẽ nên bức tranh xứ Huế âm đạm, nhuốm màu chia lìa, sự sống mệt mỏi, yếu ớt nhưng cũng huyền ảo, thơ mộng, đồng thời toát lên những dự cảm hạnh phúc chia xa của nhà thơ.

+ Khổ 3:

- Bức tranh người thiếu nữ Huế qua sự hình dung, tưởng tượng của thi nhân hiện lên nhuốm màu hư ảo. Tất cả như mờ nhòe, không rõ ràng.

- Sắc áo trắng của người thiếu nữ là sắc màu của tâm tưởng, của nỗi nhớ được điệp lại gợi lên khoảng cách xa xôi, cách trở.

- Câu hỏi tu từ vừa biểu hiện tâm trạng hoài nghi, cô đơn vừa thể hiện nỗi niềm gắn bó thiết tha, sâu nặng của nhà thơ với tình yêu, với cuộc đời.

-> Người và cảnh đều chìm vào cõi mộng.

-> Tâm trạng mơ tưởng, hoài nghi, cay đắng, thảng thốt, tuyệt vọng.

✚ Bài thơ bắt đầu với cảnh đẹp thôn Vĩ bên dòng sông Hương, từ đó khơi gợi liên

tưởng thực - ảo và mở ra bao nỗi niềm cảm xúc, suy tư về cảnh và người xứ Huế. Bài thơ còn là tiếng nói của một cái tôi bơ vơ, cô đơn với khát vọng mãnh liệt mong muốn tìm thấy sự đồng cảm, đồng điệu trong cuộc sống thực.

3. Bài thơ “Tràng giang” của Huy Cận.

*** Tác giả:**

- Là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào thơ Mới, nhà thơ của vũ trụ, của sông nước mênh mông bao la, của nỗi buồn “*mang mang thiên cổ sầu*”.
- Thơ ông hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.
- Giọng thơ thường buồn bã, ảo não

*** Tác phẩm:**

- Cảm hứng của bài thơ là cảm hứng không gian. Không gian như trải ra từ mặt sông lên tận chót vót đỉnh trời, không gian được nở ra từ thẳm sâu vũ trụ vào tận tâm linh con người.
- Bài thơ man mác một nỗi buồn thương đau đớn mênh mang về cuộc đời, về kiếp người, một nỗi sầu nhân thế. Nỗi buồn, nỗi sầu ấy thấm đẫm trong thiên nhiên, tạo vật, lan tỏa trong hồn người. Cuộc đời vắng vẻ, thê lương; sự sống thì khô héo; kiếp người thì tàn tạ, phiêu dạt. Đằng sau tâm trạng buồn, cô đơn là niềm khao khát sự sống, khao khát sự cảm thông hòa hợp.

a, Khổ 1:

Bài thơ là bức tranh sông nước thơ mộng của buổi chiều xứ bắc. Nó thấm đượm nỗi buồn man mác đến khôn cùng của thi nhân. Không gian trong bài thơ là hình ảnh sông nước mênh mang:

- *Gợn* là từ chỉ một xao động nhẹ nhưng da diết, nó cứ lan ra, loang ra, xô đẩy nhau đến vô tận. *Điệp điệp* là một từ láy nguyên gợi nỗi buồn triền miên, da diết, gói đầu lên nhau, tầng tầng lớp lớp. Nỗi buồn vì thế không chỉ dừng lại ở cảnh mà còn thấm sâu vào hồn người.
- Nỗi buồn sông nước còn được tác giả gợi gấm qua các khách thể như: *con thuyền, nước, củi*. Sự vật trong tư thế vận động: sóng gợn, thuyền xuôi, củi trôi ➡ chuyển động

nhẹ, gọi sự phân ly, lạc lõng, trôi dạt

✉ Đó không chỉ là nỗi sầu của con người giữa đất trời vô biên.

b, Khổ 2:

Không gian được mở rộng, từ sông lên *côn* rồi tầm nhìn chuyển lên đất liền – *chợ*.

Tuy nhiên không gian càng nói rộng thì sự cô cút của con người càng dâng cao.

- *Lơ thơ, điều hiu* là từ láy ✉ gọi lên sự tro trọi, quanh quẽ, kém sinh khí và sự vật như bị nhấn chìm trong không gian bao la, rộng lớn.

Sâu chót vót: Câu thơ hiện đại có giá trị tạo hình, lấy chiều sâu để đo chiều cao

✉ Nỗi buồn thấm sâu vào không gian ba chiều, thấm sâu vào hồn người. Tâm trạng của thi nhân: khát khao tìm tới và được giao tiếp với con người.

c, Khổ 3:

- *Bèo dạt*: dùng câu hỏi tu từ: gọi sự liên tưởng đến những kiếp người chìm nổi, lạc loài.

Láy lại hình ảnh *củi một cành khô lạc mấy dòng* ✉ Nỗi buồn chung của cả thế hệ, nỗi sầu nhân thế.

⚙ Ý thức sự nhỏ bé, mong manh của kiếp người. Đồng thời nó thể hiện khát vọng được giao hoà với sự sống, với con người.

d, Khổ 4:

- Đằng sau bức tranh thiên nhiên là tình yêu quê hương đất nước kín đáo mà tha thiết của nhà thơ. ("*Tràng giang*" là bài thơ ca hát non sông đất nước, do đó dọn đường cho tình yêu giang sơn Tổ quốc – Xuân Diệu).

- Bài thơ vừa có vẻ đẹp cổ điển vừa có tinh thần hiện đại:

+ Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ bộc lộ ở thi đề, thi tứ, ở việc sử dụng những thi liệu quen thuộc trong Đường thi (*Thuyền, nước, sóng, dòng sông, bầu trời, bến, nắng, cánh bèo, áng mây, cánh chim, bóng chiều, ...*); bút pháp chấm phá, tả cảnh ngụ tình.

+ Nét đẹp hiện đại của bài thơ thể hiện ở việc sử dụng từ ngữ, dấu câu sáng tạo, độc đáo; ở tâm trạng của chủ thể trữ tình: nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương mình. Qua đó bộc lộ tình yêu quê hương đất nước kín đáo, sâu nặng, thiết tha.

4. Bài thơ "Mô" của Hồ Chí Minh.

*** Tác giả:**

- Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc ta, đồng thời là một tác gia lớn. Sự nghiệp sáng tác của Bác đa dạng, nhưng nổi bật nhất là tập thơ trữ tình “*Nhật kí trong tù*”.

*** Tác phẩm:**

- “*Mộ*” (*Chiều tối*) là bài thơ rất có giá trị của tập *Nhật kí trong tù*. Nó vừa gợi cảnh gian truân trong những ngày bị giam cầm vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của Bác.

+ Hai câu đầu: Bức tranh thiên nhiên chiều tối đượm buồn nhưng gợi cảm được phác họa qua hai hình ảnh có tính ước lệ: “cô vân” và “quyện điều”. Bức tranh đậm chất Đường thi cổ kính (thi liệu, thi tứ, bút pháp chấm phá, tả cảnh ngụ tình ...) nhưng vẫn có nét hiện

đại: cảm quan thiên nhiên hướng đến sự sống, hạnh phúc; vừa có chất thép vừa có chất tình.

+ Hai câu sau: Bức tranh cuộc sống sinh hoạt con người nơi xóm núi ấm áp tươi vui, tràn đầy sinh khí được miêu tả qua hình ảnh “cô gái xay ngô” và “lò than rực hồng”. Hình ảnh con người hiện lên trong tâm thế lao động toát lên một vẻ đẹp bình dị, đời thường nhưng hiện đại, khỏe khoắn. Hình ảnh lò than chính là ý chí, nghị lực, niềm tin, niềm lạc quan cách mạng của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh trên bước đường tù đầy.

- Bài thơ có sự vận động về không gian, thời gian, tư tưởng, luôn luôn hướng đến sự sống, ánh sáng và tương lai.

5. Bài thơ “Tù ầy” của Tố Hữu.

*** Tác giả:**

- Là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam, là nhà thơ của lí tưởng cộng sản.

- Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình – chính trị. Thơ ông gắn liền với những chặng đường cách mạng, thể hiện những tình cảm lớn, lẽ sống lớn của người công dân, chiến sĩ, cán bộ cách mạng với Đảng, Tổ quốc, nhân dân, Bác Hồ.

*** Tác phẩm:**

- Bài thơ thể hiện niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản. Nhà thơ cảm thấy lý tưởng của Đảng có tác dụng kì diệu đối với cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của mình. Cũng từ đây ông bắt đầu có những nhận thức mới về lẽ sống, có sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm (gắn bó cái tôi cá nhân vào cái ta chung của mọi người; xem mình là thành viên trong đại gia đình quần chúng lao khổ...). Bài thơ có ý nghĩa như một tuyên ngôn về lẽ sống cách mạng, đồng thời cũng là một tuyên ngôn về nghệ thuật của nhà thơ.

- Bài thơ giàu nhạc điệu (nhờ sử dụng thể thơ thất ngôn với âm điệu trang trọng, liên tục thay đổi cách ngắt nhịp, sử dụng hệ thống vần ở cuối các câu thơ với âm mở có sức ngân vang), sử dụng phong phú các phép tu từ (ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, ngoa dụ, điệp từ...), sử dụng các từ ước lệ chỉ số lượng ...

PHẦN III. ĐỀ MINH HỌA VÀ ĐÁP ÁN

ĐỀ 1

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU

GIÁ TRỊ CON NGƯỜI

Pa-xcan

Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng.

Cần gì cả vũ trụ tòng hành nhau mới đè bẹp cây sậy ấy? Một chút hơi, một giọt nước cũng đủ làm chết người. Nhưng dù vũ trụ có đè bẹp người ta, người ta so với vũ trụ vẫn cao hơn, vì khi chết thì hiểu biết rằng mình chết chứ không như vũ trụ kia, khỏe hơn mình nhiều mà không tự biết rằng mình khỏe.

Vậy giá trị của chúng ta là ở tư tưởng.

Ta cậy cao dựa vào tư tưởng, chứ đừng dựa vào không gian, thời gian là hai thứ chúng ta không bao giờ làm đầy hay độ kịp. Ta hãy rèn tập để biết tư tưởng cho hay, cho đúng, đó là nền tảng của nhân luân.

Tôi không căn cứ vào không gian để thấy giá trị của tôi, mà tôi trông cậy vào sự quy định của tư tưởng một cách hoàn toàn, dù tôi có bao nhiêu đất cát cũng chưa phải là “giàu hơn”, vì trong phạm vi không gian này, vũ trụ nuốt tôi như một điểm con, nhưng trái lại, nhờ tư tưởng, tôi quan niệm, bao trùm toàn vũ trụ.

(Theo Bài tập Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015.)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng của đoạn văn bản?

Câu 2: Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong đoạn?

Câu 3: Nêu cách hiểu của em về câu : *Tôi không căn cứ vào không gian để thấy giá trị của tôi, mà tôi trông cậy vào sự quy định của tư tưởng một cách hoàn toàn, dù tôi có bao nhiêu đất cát cũng chưa phải là “giàu hơn”, vì trong phạm vi không gian này, vũ trụ nuốt tôi như một điểm con, nhưng trái lại, nhờ tư tưởng, tôi quan niệm, bao trùm toàn vũ trụ.* **PHẦN 2: LÀM VĂN**

Viết một bài văn khoảng 600 từ trình bày cảm nhận của em về 13 câu thơ đầu trong bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu.

ĐÁP ÁN

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 2: *Người ta chẳng qua là một cây sậy ..., vũ trụ nuốt tôi như một điểm con*

Biện pháp so sánh khẳng định sự nhỏ bé của con người giữa vũ trụ bao la, vô tận và từ

đó nhấn mạnh tầm quan trọng của tư tưởng và suy nghĩ. Chúng có thể giúp con người chinh phục và làm chủ cả vũ trụ.

Câu 3: Đồng tình với quan điểm của tác giả vì việc đánh giá một con người không thể dựa vào hình thức bên ngoài mà phải căn cứ vào nội dung và nhận thức bên trong.

PHẦN 2. LÀM VĂN

Cảm nhận 13 câu thơ đầu của bài thơ *Vội vàng*.

Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo một số nội dung chính sau:

1. Giới thiệu sơ lược về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

2. Phân tích 13 câu thơ đầu:

- Bốn câu thơ đầu: Thái độ lo lắng, sợ sự mất mát

+ Điệp từ, điệp cú: “*Tôi muốn..*”: Nhấn mạnh tâm lòng yêu đời tha thiết, khát khao ham muốn mãnh liệt.

+ Ước muốn táo bạo, muốn chế ngự tự nhiên và đoạt quyền của tạo hoá

✉ Muốn ngăn cản bước đi của thời gian muốn ngưng đọng không gian

để bắt tử hoá vẻ đẹp của trời đất ✉ Muốn thu tóm hương sắc của thiên nhiên để hưởng thụ.

🏠 Chủ đề bài thơ.

- Bảy câu thơ tiếp: Cái nhìn ngơ ngàng, đắm say, ngây ngất

+ Thiên nhiên vừa gần gũi, vừa quyến rũ, vừa thơ mộng, vừa tinh khôi với những vẻ đẹp phong phú, bất tận ✉ Thiên đường trên mặt đất.

(cấu trúc câu “*Này đây...*”, các tính từ, hình ảnh thơ, giọng thơ vui tươi, yêu đời; thủ pháp nhân hoá...).

+ Tháng giêng tràn trề sức sống xuân thì và tình tứ giao hoà, quấn quýt. Thiên nhiên cũng đắm say, rạo rực, ngây ngất như chính tác giả.

+ *Ngon*: cảm nhận vẻ đẹp của cuộc sống bằng vị giác, xúc giác và cả tâm hồn ✉
thiên nhiên quyến rũ ✉ con người say mê.

+ Lấy vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên ✉
Quan niệm mỹ học mới mẻ, hiện đại.

⚙️ Thiên nhiên mang vừa mang vẻ đẹp của một giai nhân vừa mang vẻ đẹp của một tình nhân.

- Hai câu thơ tiếp:

+ Câu thơ, ý thơ như bị bẻ đôi, dòng cảm xúc đột ngột thay đổi.

+ Phải tận hưởng vẻ đẹp của mùa xuân ngay khi nó đang đến chứ không thể để nó trôi đi rồi mới tiếc nuối.

✉ Sự mâu thuẫn trong tư tưởng vừa muốn tận tiện, thâm tóm hương sắc cuộc sống vừa muốn đắm mê, hồi hải hưởng thụ.

⚙️ Tiếng reo vui của một tâm hồn yêu cuộc sống tha thiết nhưng cũng chất chứa nhiều mâu thuẫn.

3. Đánh giá chung về 13 câu thơ (nội dung + nghệ thuật)

ĐỀ 2

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Các con thân mến,

Đời sống là vô thường, không ai biết trước mình sống được bao lâu, có những việc cần nếu được nói ra sớm để hiểu thì hay hơn. Dưới đây là những điều nên ghi nhớ trong cuộc đời :

1. Nếu có người đối xử với con không tốt, đừng thèm để tâm cho mất thời giờ.

2. Không có người nào mà không thể thay thế được cả; không có vật gì mà nhất thiết phải sở hữu, bám chặt lấy nó.

3. Đời người ngắn ngủi, nếu hôm nay ta để lãng phí thời gian, mai đây hiểu được thì thấy rằng quãng đời đó đã vĩnh viễn mất rồi!

4. Trên đời này chẳng hề có chuyện yêu thương bất diệt. Ái tình chỉ là một cảm xúc nhất thời. Cảm giác này, tuyệt đối sẽ theo thời gian, hoàn cảnh mà biến thiên, thay đổi.

5. Tuy có nhiều người trên thế giới này thành công, nổi tiếng mà chẳng có học hành nhiều, có bằng cấp cao, nhưng điều đó cũng không có nghĩa là không cần học hành nhiều sẽ thành công. Kiến thức đạt được do việc học hành, giáo dục là vũ khí trong tay của mình. Ta có thể lập nên sự nghiệp với bàn tay trắng, nhưng không thể trong tay không có tác suất. Nên nhớ kỹ điều này !

6. [...]

7. Các con có thể yêu cầu mình phải giữ chữ TÍN, nhưng không thể bắt người khác phải giữ chữ TÍN với mình. Các con có thể yêu cầu mình phải đối xử TỐT với người khác, nhưng không thể kỳ vọng người khác phải đối xử tốt với mình.

8. Trong hai mươi năm qua, ba tuần nào cũng mua vé số, nhưng vẫn nghèo trắng tay. Điều này, chứng tỏ muốn phát đạt, phải siêng năng làm ăn mới khá được. Trên thế gian này, không có cái gì miễn phí cả.

9. [...]

(Lá thư của một người cha- Theo Family Resouce.)

Trên đây là một lá thư của ông Tôn Vận Tuyên, một chính khách nổi tiếng của Đài Loan gửi cho các con của ông lúc ông còn sống.

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Em hiểu như thế nào về từ ngữ in đậm trong câu : “*Ta có thể lập nên sự nghiệp với*

bàn tay trắng, nhưng không thể trong tay không có tác suất.”

Câu 3: Trong những điều cần ghi nhớ người cha gửi tới con ở trên, điều ghi nhớ nào có ý nghĩa nhất với em. Vì sao? (Trình bày bằng đoạn văn khoảng 10 dòng)

PHẦN 2: LÀM VĂN

Cảm nhận bốn câu thơ cuối trong bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận

ĐÁP ÁN

PHẦN 1: ĐỌC -HIỂU

Câu 1: phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Câu 2: Học sinh có thể diễn đạt khác nhau, nhưng có thể hiểu câu nói: “*Ta có thể lập nên sự nghiệp với bàn tay trắng, nhưng không thể trong tay không có tác phẩm*” nghĩa là:

+ Chúng ta có thể tạo nên sự nghiệp bằng chính hai bàn tay trắng ,bằng sức lao động, bằng năng lực của mình...

+ Nhưng chúng ta phải biết trang bị vũ khí: tác phẩm cho mình chính là sự hiểu biết thông qua con đường học tập trong gia đình, nhà trường và cả ở ngoài xã hội.

Câu 3: -Học sinh lựa chọn một trong chín lời dặn của người cha tới con để viết đoạn văn
- Lí giải ngắn gọn, phù hợp tại sao lời dặn đó lại có ý nghĩa nhất với bản thân mình, biết hình thành ý và diễn đạt gãy gọn.

PHẦN 2: LÀM VĂN

Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo một số nội dung chính sau:

1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm:

- Huy Cận là một trong những đại biểu xuất sắc nhất của phong trào thơ Mới, là hồn thơ ảo não nhất trong làng thơ mới. *Tràng giang* là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ Huy Cận trước cách mạng tháng 8 năm 1945.

* Đặc điểm thơ Huy Cận

- Thơ Huy Cận chịu ảnh hưởng của thơ Đường và thơ tượng trưng Pháp
- Thơ ông hàm súc giàu chất suy tưởng triết lí
- Có sự hòa quyện giữa nỗi mệnh mông vô tận của thiên nhiên và nỗi cô đơn của lòng người

2. Giới thiệu sơ lược các khổ thơ trước

3. Giới thiệu và phân tích khổ thơ cuối

- Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ: mây cao *đùn* núi bạc
- Biện pháp đối lập và tả cảnh ngụ tình (cánh chim nghiêng chở bóng chiều)
- Hình ảnh thơ cổ điển và hiện đại: ≡ Nỗi nhớ thường trực, da diết và cháy bỏng
- So sánh với hai câu thơ trong bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu

-> Nhớ nhà thực chất là cách để vượt thoát, chạy trốn nỗi cô đơn cố hữu

4. Đánh giá chung về đoạn thơ và bài thơ:

- Nội dung: Đi suốt bài thơ là nỗi buồn triền miên, vô tận
 - + Buồn vì đối diện với cảnh trời rộng sông dài
 - + Buồn thế hệ: cả dân tộc đang trong những năm ngọt ngào dưới thời Pháp thuộc.
 - + Theo quan điểm mỹ học của các nhà thơ mới: cái đẹp gắn liền với cái buồn. Nỗi buồn cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, nỗi sầu nhân thế và niềm khao khát hoà nhập với cuộc đời và ẩn chứa tình cảm sâu nặng, thầm kín với quê hương đất nước
 - Nghệ thuật:
 - + Biện pháp đối lập
 - + Hệ thống từ láy dày đặc
 - + Thủ pháp tương phản: hữu hạn/ vô hạn, nhỏ bé/ lớn lao
- ==>Đậm phong vị cổ điển Đường thi.

-----Hết-----

Chúc các em thành công

Nhóm Ngữ văn 11